

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2021/DS-ST**

Ngày: 16 - 4 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân.

Bà Đoàn Thị Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trường Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 235/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP STB; địa chỉ: Đường N, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà N.Đ.T.D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông V.P.Đ.D – Chuyên viên quản lý nợ; có mặt.

- Bị đơn: Bà T.T.T.T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Đường T, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020 và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông V.P.Đ.D trình bày:

Ngày 09/10/2018, bà T.T.T.T ký kết với Ngân hàng TMCP STB – chi nhánh Thừa Thiên Huế, Phòng giao dịch L hợp đồng tín dụng số 578 vay số tiền 70.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất vay là 1,2%/tháng; thời hạn vay: 06 tháng; phương thức trả nợ được chia làm 182 kỳ, kỳ hạn trả nợ là trả hàng ngày với số tiền cả gốc và lãi là 412.400 đồng/ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà T.T.T.T chỉ thanh toán cho Ngân hàng TMCP STB tổng số tiền gốc và lãi là: 28.418.400 đồng; trong đó: số tiền gốc là 28.363.000 đồng, tiền lãi là 55.400 đồng. Sau đó, bà T không tiếp tục trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn như thỏa thuận, mặc dù Ngân hàng TMCP STB đã nhiều lần có văn bản nhắc nhở và yêu cầu trả nợ nhưng bà T vẫn không trả. Tính đến ngày 30/9/2020, bà T.T.T.T còn nợ Ngân hàng TMCP STB tổng cộng số tiền là 62.119.162 đồng; trong đó: nợ gốc: 41.637.000 đồng, nợ lãi: 4.970.800 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn: 14.652.335 đồng và lãi chậm trả: 859.027 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng TMCP STB vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bà T.T.T.T phải trả cho Ngân hàng TMCP STB tổng cộng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 16/4/2021 là: 67.267.526 đồng (trong đó: nợ gốc: 41.637.000 đồng, nợ lãi: 4.970.800 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn: 19.531.050 đồng và lãi chậm trả: 1.128.676 đồng) và số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 578 tính từ ngày 17/4/2021 cho đến khi trả hết nợ vay.

Kèm theo yêu cầu khởi kiện, người khởi kiện đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Ngân hàng TMCP STB; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của Ngân hàng TMCP STB – chi nhánh H; Bản sao Giấy ủy quyền của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP STB; Bản sao Quyết định điều động và bổ nhiệm nhân sự của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP STB; Bản photo chứng minh nhân dân của T.T.T.T, Sổ hộ khẩu chủ hộ L.V.P; Bản sao Hợp đồng tín dụng số 578 ngày 09/10/2018 và Phụ lục kèm theo; Thông báo số 47/TB-CNTTH/PGDTL ngày 28/7/2019; Thông báo số 69/TB-CNTTH/PGDTL ngày 20/10/2019; Thông báo số 05/TB-CNTTH/PGDTL ngày 06/01/2020 về việc thanh toán nợ quá hạn; Bảng kê tính lãi của Hợp đồng tín dụng số 578 tính đến ngày 16/4/2021.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn nhưng bà TT.T.T không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể lấy lời khai của bị đơn và tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong vụ án đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Bị đơn là bà T.T.T.T đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi 67.267.526 đồng và số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 578

tính từ ngày 17/4/2021 cho đến khi trả hết nợ vay là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn là bà T.T.T.T phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP STB khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là bà T.T.T.T có địa chỉ: Đường T, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T.T.T.T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T.T.T.T không đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ là tự chối bỏ việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các giấy tờ tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quyền khởi kiện của người khởi kiện và tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng số 578 ngày 09/10/2018:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số: 0301103908, đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 39 ngày 26/01/2018 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Ngân hàng TMCP STB được thành lập và tổ chức hoạt động tín dụng dưới hình thức Công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Hợp đồng tín dụng số 578 ngày 09/10/2018 ký kết giữa Ngân hàng TMCP STB và bà T.T.T.T có xác nhận của Ban quản lý chợ BN, thành phố H về việc bảo đảm cho người đề nghị vay vốn là thuộc loại hợp đồng được bảo đảm bằng tín chấp theo quy định tại các Điều 344 và 345 của Bộ luật dân sự. Các điều khoản ký kết trong hợp đồng này đều không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng tín dụng này là hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết, phù hợp với quy định tại các Điều 385, 398 và 401 của Bộ luật dân sự. Hiện tại, bà T.T.T.T còn thiếu nợ nhưng không trả đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng nên Ngân hàng TMCP STB có quyền khởi kiện.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng số 578 ngày 09/10/2018, Ngân hàng TMCP STB tiến hành giải ngân cho bà T.T.T.T số tiền vay 70.000.000 đồng là đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình,. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà T phải có nghĩa vụ trả nợ trong 182 kỳ trong thời hạn 06 tháng, kỳ hạn trả nợ là trả hàng ngày với số tiền cả gốc và lãi là 412.400 đồng/ngày. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà T.T.T.T chỉ trả cho Ngân hàng TMCP STB tổng số tiền gốc và lãi là: 28.418.400 đồng; trong đó: số tiền gốc là 28.363.000 đồng, tiền lãi là 55.400 đồng. Sau đó, bà T không tiếp tục trả nợ gốc và lãi là không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận nên đã vi phạm hợp đồng. Tính đến ngày 16/4/2021, bà T.T.T.T còn nợ của Ngân hàng TMCP STB tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 67.267.526 đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP STB khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T.T.T.T phải trả số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, 282 và 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP STB về việc buộc bà T.T.T.T phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 578 tính từ ngày 17/4/2021 cho đến khi trả hết nợ vay, thấy rằng: Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, phù hợp với quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T.T.T.T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, 282, 344, 345, 398, 401, 466, khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP STB;

Buộc bà T.T.T.T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP STB số tiền nợ còn thiếu là: 67.267.526 đồng (Sáu mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà T.T.T.T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP STB thì lãi suất mà bà T.T.T.T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP STB theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP STB.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà T.T.T.T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.363.376 đồng.

Ngân hàng TMCP STB không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.552.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000586 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu Tòa DS; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Nam